TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: **19/07/2023**
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và bà Phạm Thị Phương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 98/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2023, Quyết định Hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X (tên gọi khác: Nguyễn Thị S), sinh năm 1978; ĐKHKTT: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện cư trú tại: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị đơn: Anh Ninh Văn K, sinh năm 1972; ĐKHKTT & trú tại: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú tại: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị X (Sinh) trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Ninh Văn K đăng ký kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND xã C, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 5, xã C được một thời gian thì chuyển về xóm 5, xã K sinh sống. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vì mâu thuẫn nên chị sống ly thân với anh K từ năm 2018 cho đến nay.

Theo chị X nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần khuyên giải, hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh K có 3 con chung là Ninh Thị B, sinh năm 1998, Ninh Văn H, sinh năm 2000 và Ninh Văn A, sinh năm 2004. Hiện các con chung đều đã trưởng thành tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị X xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Ninh Văn K trong biên bản sự việc các ngày 18/5/2023 và 22/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Thời điểm thụ lý vụ án anh Ninh Văn K có mặt tại địa phương. Khi Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng, anh K không có nhà. Tại buổi làm việc ngày 18/5/2023, Tòa án tiến hành gọi điện cho anh K theo số thuê bao 0967 852 591, anh K có nghe máy và cho biết đã nhận được Thông báo của Tòa án do em trai là anh Đ gửi lại; hiện anh đang đi làm, không thể về làm việc trực tiếp với Tòa án được. Về quan hệ hôn nhân: anh K cung cấp quá trình chung sống vợ chồng anh đã phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống, kinh tế trong gia đình. Vì mâu thuẫn nên chị X tự ý bỏ nhà đi sống ly thân với anh từ năm 2018; anh đã khuyên giải nhưng chị X không quay về; nay chị X yêu cầu ly hôn với anh, bản thân anh không mong muốn việc này, anh đã trao đổi với chị X nhưng vẫn không có kết quả, do đó, chị X kiên quyết ly hôn với anh thì anh xác định không níu kéo được nữa anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 3 con chung như chị X trình bày. Hiện các con chung đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X (Nguyễn Thị Sinh) và anh Ninh Văn K. Chị Nguyễn Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Ninh Văn K cư trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Bị đơn anh Ninh Văn K đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X (Nguyễn Thị X) và anh Ninh Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND xã C,

huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian tại xã C, huyện K; sau đó chuyển ra sinh sống tại xóm 5, xã K, huyện K. Trong quá trình chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Vì mâu thuẫn nên chị X và anh K đã sống ly thân.

Theo chị X nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh K thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, tuy nhiên, chị không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh về trình bày này. Về phía anh K cũng xác định việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm về quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế trong gia đình. Nay chị X yêu cầu ly hôn với anh thì anh xác định không thể níu kéo được nữa và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị X và anh K tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên chị chị X và anh K không còn chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh chị chưa hòa giải tại cơ sở. Anh K vẫn sinh sống tại xóm 5, xã K còn chị X cư trú tại địa chỉ nào, địa phương không nắm được.

Như vậy, mặc dù 2 bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả chị X và anh K đều xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên hiện không còn sống chung sống mà đã ly thân từ năm 2018 . Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên có thời gian hòa giải, suy nghĩ nhưng không có kết quả. Cả hai đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị X và anh K hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị X giải quyết ly hôn anh K là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị X và anh K đều xác nhận vợ chồng có 3 con chung là Ninh Thị B, sinh năm 1998, Ninh Văn H, sinh năm 2000 và Ninh Văn A, sinh năm 2004. Hiện các con chung đều đã trưởng thành tự lập nên cả hai hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này

[4] Về tài sản chung: Chị X và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X (tên gọi khác Nguyễn Thị S) và anh Ninh Văn K.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4915 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh